



THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VĂN HÓA ĐỊA PHƯƠNG CHO TRẺ MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Thanh Tâm, Lê Thị Nhung, Nguyễn Thùy Nhung, Lê Văn Huy, Hồ Hữu Nhật

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 34 Lê Lợi, tp. Huế

Tác giả liên hệ: **Hồ Hữu Nhật** < nhatsdh@gmail.com >

(Ngày nhận bài: 13-10-2021; Ngày chấp nhận đăng: 21-02-2022)

Tóm tắt: Văn hoá địa phương không chỉ là một đối tượng nghiên cứu mà còn là những sản phẩm vật thể/phi vật thể cần được truyền trao đến các thế hệ. Trong các bậc học, giáo dục mầm non có ý nghĩa khai sáng, nền tảng trong cuộc sống của mỗi con người. Ở giai đoạn này, việc giáo dục văn hóa truyền thống địa phương cho các em là điều rất quan trọng. Nghiên cứu này tập trung làm rõ thực trạng giáo dục văn hóa địa phương, cụ thể hơn là giáo dục văn học, âm nhạc, mỹ thuật dân gian địa phương cho trẻ mầm non trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế - một vùng đất có nền văn hóa cội nguồn đặc sắc. Kết quả khảo sát cho thấy chất lượng giáo dục văn hóa địa phương không đồng đều giữa các vùng, giữa các trường. Trên cơ sở nhìn nhận về quá trình giáo dục văn hóa địa phương cho trẻ, giáo viên mầm non đã đề xuất nhiều vấn đề để nâng cao hiệu quả giáo dục văn hóa địa phương ở đơn vị công tác.

Từ khóa: thực trạng, giáo dục, văn hóa địa phương, trẻ mầm non, Thừa Thiên Huế

REALITY OF LOCAL CULTURAL EDUCATION FOR PRESCHOOL CHILDREN IN THUA THIEN HUE PROVINCE

Nguyen Thanh Tam, Le Thi Nhung, Nguyen Thuy Nhung, Le Van Huy, Ho Huu Nhat

University of Education, Hue University, 34 Le Loi St., Hue, Vietnam

* Correspondence to **Ho Huu Nhat** < nhatsdh@gmail.com >

(Received: October 13, 2021; Accepted: February 21, 2022)

Abstract: Local culture is not only an object of study but also tangible/intangible products that need to be passed on from generation to generation. In all levels of education, preschool education has an enlightening and fundamental meaning in every person's life. At this stage, it is very important to educate the local traditional culture for the children. This study focuses on clarifying the current situation of local cultural education, more specifically, education of literature, music, and folk art for preschool children in Thua Thien Hue province - a land with a rich cultural heritage. The survey results show that the quality of local cultural education is not equal across regions, between schools. Based on the recognition of the process of educating the local culture for children, preschool teachers have proposed many issues to improve the effectiveness of local cultural education in the working unit.

Keywords: reality, education, local culture, preschool children, Thua Thien Hue

1. Đặt vấn đề

Tiếp cận văn hóa ở góc nhìn không gian sẽ thấy sự hiện diện của các vùng, bộ phận, hệ thống và dòng chảy văn hóa: văn hóa địa phương, văn hóa dân tộc, văn hóa nhân loại. Trong ba vùng văn hóa ấy, văn hóa địa phương (VHĐP) có phạm vi nhỏ bởi nó chỉ thuộc về một nhóm dân cư, một cộng đồng người với những đặc thù rất riêng về không gian sống, ngôn ngữ, lịch sử, phong tục. VHĐP tồn tại ở một địa điểm cụ thể, “là nền văn hóa cơ bản nhất mà cộng đồng địa phương sở hữu về mặt ý tưởng, tín ngưỡng, quy tắc và vật liệu” (Theo Jinling Tao và Jianjun Yin, 2017). VHĐP là văn hóa bản địa của một nhóm người cụ thể cũng là nét đặc trưng cho văn hóa của một nhóm cộng đồng địa phương (Theo Hicela Ivon & Dubravka Kuscevic, 2013). Bài báo này tiếp cận VHĐP ở góc độ văn hoá truyền thống, cụ thể hơn là lĩnh vực văn học, âm nhạc, mỹ thuật dân gian địa phương – mảng văn hóa làm nên cốt cách, diện mạo của các vùng đất nhưng có xu hướng dần phai nhạt trong tâm thức của con người hiện đại, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Văn hóa truyền thống là thuật ngữ được sử dụng để tạo nên sự khu biệt với văn hóa hiện đại. Xét về thời gian, đây là văn hóa thuộc về/gắn với xã hội tiền công nghiệp. “Khái niệm văn hóa truyền thống để chỉ những hiện tượng, những giá trị đã hình thành từ lâu đời, mang tính bền vững và được giao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác” (Bùi Thanh Truyền, 2019). Văn hóa truyền thống địa phương bao gồm những giá trị vật chất lẫn tinh thần mà thế hệ cha ông tạo ra và chuyển di cho thế hệ sau. Đó là những đặc điểm, kinh nghiệm, phong tục, sản phẩm tinh thần... của một tập thể, cộng đồng ở một vùng đất nhất định, có khả năng phân biệt với dân tộc khác, địa phương khác. Đây là phần không thể thiếu trong cuộc sống của con người hiện đại nhưng thường không được chú ý.

Ở Việt Nam, thời đại 4.0 cho phép giới trẻ (trong đó có trẻ mầm non) thụ hưởng những giá trị mới so với thế hệ ông cha nhưng cũng đồng thời làm nhạt mỗi dây liên hệ giữa thế hệ này với văn hoá truyền thống. Các phương thức giải trí hiện đại đã đẩy trẻ rời xa các trò chơi dân gian, những sinh hoạt tập thể. Việc trẻ bị hấp dẫn bởi điện thoại, màn hình ti vi hay vi tính

cũng đi liền với những vấn đề sức khoẻ và tâm lý. Nhiều nhà nghiên cứu đã dự báo về “cuộc xâm lăng văn hoá” đến từ các nước có nền công nghiệp giải trí phát triển. “Thời gian qua,... toàn cầu hóa như một con lốc mạnh. Mặc dầu đã có sự chuẩn bị, song chúng ta chưa lường hết được tác động phức tạp của quá trình đó, vì vậy, văn hóa của chúng ta đang chịu những sức ép, sự va đập mạnh và sâu, đang đứng trước những thử thách gay gắt chưa từng có” (Đình Xuân Dũng, 2019).

Về mặt lí luận lẫn thực tiễn, giáo dục và văn hoá là hai khái niệm luôn có mối liên hệ với nhau. Giáo dục không thể không đặt trong môi quan hệ với bối cảnh văn hoá và mối tương quan với văn hoá với tư cách là nội dung giáo dục, đồng thời là đích đến của giáo dục. Giáo dục VHDP gắn với việc chăm sóc, bảo tồn và chuyển giao cho trẻ em những di sản văn hoá truyền thống của vùng miền, đồng thời nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo quản nó. Có thể xem đó là quá trình nội hóa các giá trị lịch sử kế thừa, trong đó giáo viên thực hiện vai trò trung gian để kết nối học sinh với di sản văn hoá địa phương. Trong các bậc học, giáo dục mầm non (MN) có ý nghĩa khai sáng và đồng thời là nền tảng trong cuộc sống của mọi người. Mọi tác động đến trẻ trong giai đoạn này sẽ kéo dài ảnh hưởng trong suốt cuộc đời. Tạo cho trẻ những trải nghiệm phong phú, đa dạng về văn hóa truyền thống và gieo mầm văn hóa truyền thống vào tâm hồn các em, để các em truyền lại những di sản của văn hóa truyền thống là điều rất quan trọng (Jinling Tao & Jianjun Yin, 2017).

Văn hoá truyền thống của các địa phương không chỉ là một đối tượng nghiên cứu mà còn là những sản phẩm vật thể/phi vật thể cần được truyền trao đến các thế hệ, trong đó có trẻ MN. Đã có một số nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến vấn đề này. Có thể kể đến: *Nghiên cứu về giáo dục văn hóa truyền thống Trung Quốc tại các trường mẫu giáo của Trung Quốc* (Jinling Tao và Jianjun Yin, 2017), *Sự phát triển các chủ đề học tập dựa vào văn hoá địa phương trong giáo dục sớm* (Oktarina Noviza và Dadan Suryana, 2013), *Trường học và môi trường văn hóa - di sản: Các khía cạnh sư phạm, sáng tạo và nghệ thuật* (Hicela Ivon và Dubravka Kuscevic, 2013), *Nâng cao năng lực đa văn hóa cho giáo viên mầm non vùng dân tộc thiểu số* (Nguyễn Thị Mỹ Trinh, Nguyễn Thị Trang, 2020), *Đưa văn hóa địa phương vào trường học: Góp phần gìn giữ các giá trị văn hóa quê hương* (Châu Khánh, 2015), *Xây dựng môi trường giáo dục đa văn hoá trong lớp mẫu giáo có nhiều trẻ ở nhiều dân tộc khác nhau* (Nguyễn Thị Nga, 2017)... Trong những nghiên cứu này, giáo dục VHDP chủ yếu dừng lại ở phương diện giáo dục tri thức về lịch sử, phong tục tập quán, âm thực..., còn những thành tựu văn học nghệ thuật - nơi gửi gắm tâm thức, tình cảm của con người vẫn là vùng đất chưa được chú trọng khai phá. Vì những lí do đó nên nghiên cứu của chúng tôi sẽ tập trung làm rõ thực trạng giáo dục VHDP, cụ thể hơn là giáo dục văn học, âm nhạc, kĩ thuật dân gian địa phương cho trẻ mầm non trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế - một vùng đất có nền văn hóa cội nguồn đặc sắc do những đặc điểm riêng về Lịch sử, Địa lý, lại có mấy trăm năm là kinh đô của triều đại phong kiến cuối cùng.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Để nắm bắt thực trạng về giáo dục văn hoá địa phương cho trẻ mầm non, chúng tôi đã thực hiện khảo sát 256 giáo viên (GV) ở 24 trường mầm non được lựa chọn ngẫu nhiên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. GV có độ tuổi từ 22 đến 54, với thâm niên công tác ít nhất là 1 năm, cao nhất là 35 năm; có trình độ đào tạo chưa đạt chuẩn (trung cấp) theo quy định của Luật Giáo dục (Quốc hội, 2019) là 13 GV chiếm 5%, có trình độ đào tạo đạt chuẩn (cao đẳng và đại học) là 243 GV chiếm 95%; số lượng GV được điều tra ở miền núi và nông thôn đều chiếm 33,6%, thành thị chiếm 32,8%. Trong số các trường MN có GV được điều tra, 100% trường MN thuộc loại hình công lập; hơn một nửa số trường (62,5%) đã đạt chuẩn quốc gia, còn lại 37,5% chưa đạt chuẩn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu thực tiễn chủ yếu là điều tra bằng bảng hỏi với công cụ là phiếu trưng cầu ý kiến GV về nhận thức và quá trình giáo dục VHĐP ở trường MN. Phiếu được thiết kế gồm 8 câu hỏi có các đáp án cho sẵn theo 5 mức độ qui thành điểm tương ứng từ 1 - 5. Kiểm định hệ số Cronbach's Alpha đạt 0.944 cho thấy độ tin cậy của phiếu ở mức độ rất tốt. Bên cạnh đó, phương pháp phỏng vấn với công cụ là phiếu phỏng vấn cũng được sử dụng để thu thập thông tin, làm sáng tỏ hơn kết quả nghiên cứu thực trạng. Số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm IBM SPSS 20.0 và phân tích theo thang đo Likert 5 với mức giá trị khoảng cách = $(\text{Maximum} - \text{Minimum}) / n = (5 - 1) / 5 = 0.8$ nên ý nghĩa các mức lần lượt tương ứng như sau: 1.00 – 1.80: không cần thiết/ không quan trọng/ không bao giờ/ không thuận lợi/ không mong muốn/ rất không tốt; 1.81 – 2.60: ít cần thiết/ ít quan trọng/ hiếm khi/ ít thuận lợi/ ít mong muốn/ không tốt; 2.61 – 3.40: bình thường/ bình thường; 3.41 – 4.20: cần thiết/ quan trọng/ thường xuyên/ thuận lợi/ mong muốn/ tốt; 4.21 – 5.00: rất cần thiết/ rất quan trọng/ rất thường xuyên/ rất thuận lợi/ rất mong muốn/ rất tốt.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Thực trạng giáo dục văn hóa địa phương cho trẻ mầm non

3.1.1. Nhận thức về mức độ cần thiết của giáo dục VHĐP cho trẻ MN

Kết quả điều tra nhận thức của GV về mức độ cần thiết của việc giáo dục VHĐP cho thấy đa phần GV ở các trường MN đã đánh giá cao sự cần thiết của giáo dục VHĐP cho trẻ; có một tỉ lệ nhỏ (2,3%) GV cho rằng đưa giáo dục VHĐP vào trường MN là điều bình thường bởi đó là một trong những khía cạnh tri thức cần hình thành ở trẻ; chỉ có 1,6% GV cho rằng không cần thiết, thậm chí hoàn toàn không cần thiết giáo dục VHĐP cho trẻ MN. Kết quả này thể hiện tình

thần quán triệt tiếp nhận và triển khai các văn bản liên quan đến đổi mới trong giáo dục nói chung, giáo dục MN nói riêng ở khía cạnh đưa VHĐP vào nhà trường, đặc biệt khi đây là một trong ba quan điểm xây dựng chương trình giáo dục mầm non hiện hành. Bên cạnh đó, GV đã nhận thức sâu sắc vai trò của giáo dục VHĐP đối với quá trình hình thành nền tảng nhân cách con người ở độ tuổi MN với các năng lực cần có trong thời đại 4.0. Họ cho rằng, giáo dục VHĐP không chỉ được tích hợp vào hoạt động giáo dục ở trường mầm non mà còn xem VHĐP là môi trường cho trẻ trải nghiệm một cách đa dạng, sống động thực tiễn nơi trẻ được sinh ra và lớn lên. Theo đó, 98,4% GV đã thực hiện, chỉ có rất ít GV (chiếm 1,6%) chưa thực hiện giáo dục VHĐP vì họ chưa hiểu rõ VHĐP và vai trò của VHĐP đối với sự phát triển của trẻ.

3.1.2. Mục tiêu, nguyên tắc giáo dục VHĐP cho trẻ MN

Giáo dục VHĐP bắt đầu từ việc xác định chính xác mục tiêu để định hướng cho các thành tố còn lại như nguyên tắc, nội dung, hình thức của quá trình này. Đó chính là những gì cần hình thành ở trẻ về VHĐP và đương nhiên không nằm ngoài mục tiêu chung của giáo dục MN.

Bảng 1. Mục tiêu giáo dục VHĐP cho trẻ MN

TT	Mục tiêu	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Giúp trẻ có những hiểu biết ban đầu về văn hoá địa phương	4,24	0,549
2	Giúp trẻ có khả năng cảm nhận và thể hiện cái hay, cái đẹp trong văn hoá địa phương	4,25	0,602
3	Giúp trẻ hình thành tình cảm đối với quê hương và ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá địa phương	4,36	0,591
4	Nâng cao năng lực sáng tạo văn hoá địa phương cho trẻ	4,12	0,594
5	Bảo tồn, lan toả và phát triển văn hoá địa phương	4,21	0,598
6	Thực hiện đổi mới trong giáo dục mầm non	4,20	0,605

Ghi chú: $1 \leq \text{Điểm TB} \leq 5$

Từ kết quả điều tra ở bảng 1 có thể thấy tất cả các mục tiêu đều được đánh giá ở mức độ quan trọng và rất quan trọng. Điều đó có nghĩa là GV đã quan tâm và xác định đầy đủ, đúng đắn, thiết thực các mục tiêu giáo dục VHĐP cho trẻ MN. “Giúp trẻ hình thành tình cảm đối với quê hương và ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá địa phương” là mục tiêu quan trọng nhất bởi trên

cơ sở đó trẻ sẽ chủ động tìm hiểu, cảm nhận sâu sắc hơn các giá trị của VHĐP. Tuy nhiên, theo GV, muốn hình thành tình cảm (vốn dĩ là trạng thái ổn định và lâu dài của các cảm xúc tích cực) cần xuất phát từ những ấn tượng, rung cảm đầu tiên. Những xúc cảm này được hình thành khi trẻ tiếp xúc trực tiếp và có hiểu biết sơ đẳng về VHĐP.

Bên cạnh xác định mục tiêu, thực hiện giáo dục VHĐP cũng cần tuân theo các nguyên tắc nhất định và mức độ thực hiện các nguyên tắc này được thể hiện ở bảng 2:

Bảng 2. Nguyên tắc thực hiện giáo dục VHĐP cho trẻ MN

TT	Nguyên tắc	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Đảm bảo mục tiêu giáo dục mầm non	4,25	0,576
2	Đảm bảo tính pháp lí	4,10	0,612
3	Đảm bảo tính thực tiễn, hiệu quả	4,18	0,591
4	Đảm bảo tính hệ thống	4,09	0,577
5	Đảm bảo đặc trưng chung và riêng của từng hoạt động	4,18	0,559

Ghi chú: $1 \leq \text{Điểm TB} \leq 5$

Theo kết quả ở bảng 2, GV thực hiện rất thường xuyên nguyên tắc “đảm bảo mục tiêu giáo dục mầm non”. Với vai trò là người trực tiếp tổ chức hoạt động tại nhóm/lớp, GV đã thực hiện theo chỉ đạo, phân bổ mục tiêu giáo dục VHĐP từ mức độ khái quát đến chi tiết theo cấp độ mục tiêu giáo dục. Cụ thể, GV lồng ghép mục tiêu giáo dục VHĐP vào mục tiêu giáo dục năm học, mục tiêu giáo dục theo tháng/chủ đề, mục tiêu giáo dục tuần và mục tiêu giáo dục ngày (thông qua mục tiêu giáo dục từng hoạt động theo chế độ sinh hoạt hàng ngày). Giáo dục VHĐP được đặt trong mối quan hệ với các lĩnh vực phát triển toàn diện của trẻ, từ đó mang lại hiệu quả giáo dục trẻ lẫn bảo tồn, phát huy các giá trị của VHĐP.

Với nguyên tắc “đảm bảo tính thực tiễn, hiệu quả” và “đảm bảo đặc trưng chung và riêng của từng hoạt động”, GV thực hiện ở mức độ thường xuyên. GV đã bám sát yêu cầu của thực tiễn phát triển xã hội tại địa phương, đặc biệt là nguồn văn hóa vốn có để đưa ra các quyết định giáo dục phù hợp. Thừa Thiên Huế từ lâu đã xây dựng, gìn giữ được kho tàng văn hóa vật thể và phi vật thể mang các giá trị biểu trưng cho từng vùng miền. Ở miền núi như huyện A Lưới có Trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng các dân tộc, nhà Guol truyền thống của dân tộc Cơ Tu, nhà Roong truyền thống của dân tộc Tà Ôi; thác A No, suối A Lin; Lễ hội A Da; nghề dệt Dèng của người Tà Ôi, đan lát; các làn điệu dân ca, hát ru Pa Cô, Tà Ôi, Cơ Tu... Ở vùng nông thôn huyện Quảng Điền có thành cổ Hóa Châu, làng rau Thành Trung, làng nghề đan lát Bao La; ở Hương Thủy có Lăng Khải Định, cầu nói Thanh Toàn; làng nghề đan gót Dã Lê, làng nghề

làm nón lá Thủy Thanh, nghề rèn – lùm, nghề làm bánh... Ở thành phố Huế có Quần thể di tích cố đô Huế, di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh...; Festival Huế, Festival Nghề truyền thống...; nhã nhạc Cung đình Huế, dân ca Huế; tranh dân gian làng Sinh, nón Phú Cam... Ngoài ra, mỗi nhóm/lớp có sự linh động trong việc đưa ra mục tiêu, nội dung và hình thức giáo dục tương ứng với điều kiện tài chính, cơ sở vật chất, khả năng của giáo viên, đặc điểm của trẻ, đặc trưng chung và riêng của từng hoạt động. VHDP có thể là nội dung chính hay nội dung kết hợp của hoạt động, cũng có thể là chất liệu cho hoạt động. Trong hoạt động khám phá khoa học, GV cho trẻ trải nghiệm, tìm hiểu về các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, làng nghề ở địa phương. Các làn điệu dân ca thường được sử dụng trong hoạt động giáo dục âm nhạc; ca dao, truyện kể được đưa vào hoạt động phát triển ngôn ngữ; hoạt động tạo hình có thể sử dụng tranh dân gian... Chính sự kết hợp này tạo nên cảm giác vừa gần gũi vừa mới mẻ, vừa học vừa vui chơi, trải nghiệm cho trẻ, để trẻ lớn lên trên “cái nôi” văn hóa của vùng đất văn hiến cùng những “làn gió” mới của văn hóa giao thoa.

Tính pháp lí và hệ thống cũng được GV đảm bảo ở mức độ thường xuyên nhưng không ngang bằng với các nguyên tắc khác. Việc thực hiện các văn bản chỉ đạo từ trung ương đến địa phương, đặc biệt là Chương trình Giáo dục mầm non giúp GV đảm bảo tính pháp lí. Chương trình Giáo dục mầm non là chương trình khung, mang tính định hướng nên GV không bị gò bó mà có thể linh hoạt khi thực hiện để phù hợp với điều kiện địa phương. Nhờ thế, giáo dục VHDP trong trường mầm non mặc dù phải đảm bảo tính pháp lí nhưng diễn ra rất tự nhiên, sáng tạo. Về nguyên tắc hệ thống, tuy GV nghĩ mình đã thực hiện thường xuyên nhưng kết quả điều tra thực tiễn quy trình giáo dục VHDP cho trẻ MN cho thấy sự không thống nhất giữa việc thực hiện của GV với chỉ đạo của cán bộ quản lí và giữa GV với GV.

3.1.3. Nội dung, hình thức giáo dục VHDP cho trẻ MN

Trong phạm vi nghiên cứu, chúng tôi đã điều tra thực trạng việc sử dụng các nội dung VHDP ở khía cạnh Văn học, Mỹ thuật, Âm nhạc dân gian và thu được kết quả:

Bảng 3. Nội dung giáo dục VHDP cho trẻ MN

TT	Nội dung	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Văn học dân gian	3,95	0,673
2	Mỹ thuật dân gian	3,56	0,775
3	Âm nhạc dân gian	3,99	0,728

Ghi chú: $1 \leq \text{Điểm TB} \leq 5$

Trong số 3 loại hình văn hóa truyền thống, GV sử dụng thường xuyên nhất là âm nhạc dân gian. Âm nhạc dân gian Thừa Thiên Huế rất phong phú với các thể loại như hò, hát ru, lý. Để phù hợp với trẻ MN, các trường đưa hò già gạo, lý hoài xuân, lý hoài nam, lý giao duyên, lý

ngựa ô... vào nội dung giáo dục dưới dạng nguyên bản hoặc cải biên. Chủ đề các làn điệu cũng khá đa dạng: từ quê hương, gia đình, trường mầm non đến phương tiện giao thông... và thông qua hoạt động âm nhạc để phát triển lĩnh vực thẩm mỹ cho trẻ, dưới hình thức hoạt động học, chơi biểu diễn ở góc nghệ thuật, hội thi hát dân ca, đặt lời mới cho dân ca. Văn học dân gian cũng được khai thác nhưng khi được hỏi, các GV và CBQL chỉ kể ra một vài bài ca dao phổ biến, các thể loại khác của văn học dân gian như đồng dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện cười... chưa được đề cập đến. Mỹ thuật dân gian thường xuất hiện cùng mục đích sử dụng sản phẩm nghệ truyền thống để trang trí môi trường giáo dục chủ đề Nghề nghiệp hay Quê hương - Đất nước. Tranh làng Sình, hoa giấy Thanh Tiên, nón lá, sản phẩm đan lát (rá, mẹt, giỏ...)... được một số trường mầm non dùng trang trí lớp học hoặc khu vực gian hàng ở sân chơi. Chất liệu mộc mạc cộng thêm màu sắc bắt mắt, đường nét sinh động của các sản phẩm nghệ truyền thống cuốn hút trẻ đến với mỹ thuật dân gian theo cách tự nhiên nhất. Nhờ vậy, mặc dù GV không chú ý đi sâu khai thác các góc độ của mỹ thuật dân gian nhưng bước đầu trẻ đã có ấn tượng và hình dung về loại hình văn hóa được đánh giá là khó đưa vào chương trình giáo dục mầm non.

Trong sự phong phú của các sản phẩm văn hóa địa phương, GV chỉ sử dụng nội dung đáp ứng yêu cầu chung của Chương trình Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021). Từ đó, nguyên tắc “gần gũi với trẻ” được GV đánh giá là rất quan trọng, với điểm trung bình cao nhất. Những gì trẻ được tiếp nhận ở trường MN cần đến từ chính cuộc sống hàng ngày của trẻ. Đặc trưng này giúp trẻ dễ dàng lĩnh hội những nội dung giáo dục tích hợp trong văn hóa địa phương.

Nội dung VHDP rất đa dạng, chứa đựng đời sống tinh thần của đủ mọi lứa tuổi, mọi thời đại lịch sử xã hội. Vì thế, không hẳn nội dung nào cũng vừa sức và tạo được hứng thú với trẻ. Tình yêu đôi lứa, chiêm nghiệm cuộc sống... với thế giới quan của người lớn không phù hợp để giáo dục trẻ độ tuổi MN. Tùy từng độ tuổi, trẻ chỉ có thể tiếp nhận những nội dung như tên gọi và đặc điểm nổi bật của một số địa danh, thắng cảnh, tình cảm đối với quê hương trong các tác phẩm văn học dân gian hay các đối tượng, màu sắc, đường nét đơn giản trong mỹ thuật, các làn điệu dân ca, hò, vè ngắn, dễ hát và vận động theo nhịp điệu... Để làm cho các sản phẩm VHDP phù hợp hơn với trẻ MN trên cơ sở nhu cầu, khả năng của trẻ, GV đã tham gia phong trào cải biên lời ca dao, dân ca. Tuy nhiên, do đây là lĩnh vực không được đào tạo nên số lượng các sản phẩm cải biên không nhiều và chỉ mới đáp ứng được một phần nhỏ so với nhu cầu sử dụng trong giáo dục trẻ. Qua đó cho thấy, cần thiết phải sưu tầm, cải biên các sản phẩm văn hóa địa phương phù hợp với trẻ từng độ tuổi, làm tư liệu cho GV dễ dàng lựa chọn và sử dụng.

Việc chuyển tải các nội dung giáo dục VHDP đến với trẻ phụ thuộc rất nhiều đến hình thức tổ chức hoạt động này ở trường MN. GV ở các trường MN được điều tra đã sử dụng những hình thức cụ thể ở bảng 4:

Bảng 4. Hình thức giáo dục VHĐP cho trẻ MN

TT	Hình thức	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường mầm non với các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ (học, chơi, ăn, ngủ...)	3,95	4,08
2	Hội thi liên quan đến văn hóa địa phương (hát dân ca, cải biên làn điệu dân ca...)	3,56	3,51
3	Lễ Hội ở địa phương	3,99	3,48

Ghi chú: $1 \leq \text{Điểm TB} \leq 5$

Điểm chung dễ dàng nhận ra là kết quả đánh giá của các hình thức giáo dục VHĐP cho trẻ đều ở mức “thường xuyên”. Trong số đó, Lễ Hội được sử dụng triệt để nhất. Mặc dù Lễ Hội không diễn ra thường xuyên nhưng đây là cơ hội để trẻ được trải nghiệm văn hóa địa phương có mặt trong hầu hết các hoạt động. Nhờ đó, những xúc cảm tích cực được hình thành, tri thức về văn hóa địa phương được tạo lập, mở rộng một cách tự nhiên và sinh động ở trẻ. Thông qua hình thức này, sự phối hợp giữa giáo dục nhà trường – gia đình – xã hội thể hiện rõ nét. Vì vậy, GV nhấn mạnh trải nghiệm thực tiễn là quan trọng nhất đối với giáo dục VHĐP.

Bên cạnh đó, chế độ sinh hoạt cũng thường xuyên được sử dụng để thực hiện giáo dục VHĐP cho trẻ bởi chế độ sinh hoạt bao hàm các hoạt động hằng ngày của trẻ ở trường mầm non. Những hoạt động này rất phong phú, từ hoạt động chăm sóc như ăn, ngủ, vệ sinh đến hoạt động học, chơi, lao động..., theo hình thức cả lớp/ nhóm/ cá nhân, diễn ra trong lớp hoặc ngoài trời... Bằng các cách thức khác nhau (tác động bằng tình cảm, trực quan – minh họa, thực hành, trải nghiệm, dùng lời, khích lệ...), GV linh hoạt lồng ghép giáo dục VHĐP cho trẻ.

3.1.4. Hiệu quả giáo dục VHĐP và những yếu tố tác động

Nhìn chung, chất lượng giáo dục VHĐP không đồng đều: 16,4% GV nhìn nhận ở mức độ rất tốt, 75,4% GV ở mức độ tốt và có một tỉ lệ nhất định (tuy không nhiều) GV đánh giá hiệu quả của quá trình này là bình thường (7,8%), thậm chí không tốt (0,4%). Điều đó liên quan đến nhiều nguyên nhân. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, bên cạnh những gì đã làm được, các trường MN cần xác định các yếu tố tác động và mức ảnh hưởng của nó để khai thác hết ưu thế, hạn chế tối đa khó khăn, từng bước nâng hiệu quả giáo dục VHĐP cho trẻ lên mức độ cao nhất. Chúng tôi đã điều tra về các yếu tố này và thu được kết quả:

Bảng 5. Những yếu tố tác động đến việc chỉ đạo/thực hiện giáo dục VHDP cho trẻ MN của CBQL/GV

TT	Yếu tố tác động	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
<i>Yếu tố khách quan</i>			
1	Chỉ đạo của cấp trên	4,07	0,607
2	Điều kiện tài chính của nhà trường, nhóm/lớp	3,98	0,663
3	Môi trường hoạt động mang đặc trưng văn hoá địa phương	3,94	0,720
4	Sự hỗ trợ của phụ huynh, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội	3,99	0,663
5	Tài liệu hướng dẫn giáo dục văn hoá địa phương	3,86	0,788
6	Nguồn văn hoá địa phương	3,94	0,720
7	Sự hỗ trợ lẫn nhau giữa GV trong và ngoài trường	3,86	0,788
8	Trẻ trong từng nhóm/lớp	3,98	0,663
<i>Yếu tố chủ quan</i>			
9	Hiểu biết của bản thân về văn hoá địa phương	4,02	0,594
10	Năng lực thể hiện, truyền đạt văn hoá địa phương	4,07	0,607
11	Tính linh hoạt, chủ động, sáng tạo của bản thân	3,99	0,663

Ghi chú: $1 \leq \text{Điểm TB} \leq 5$

Việc thực hiện giáo dục VHDP trong trường MN xuất phát từ chỉ đạo của cấp trên và CBQL là người trực tiếp chỉ đạo hoạt động giáo dục VHDP trong nhà trường. Điều quan trọng là, sự chỉ đạo của các cấp có tính thống nhất nên tạo thuận lợi hay không. Thực tế cho thấy, GV luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của CBQL nên đây là một trong những yếu tố thuận lợi nhất cho họ. Một số CBQL không ngại cầm tay chỉ việc cho GV, trực tiếp cải biên các làn điệu dân ca, tự tìm hiểu văn hóa địa phương để định hướng, hỗ trợ cho GV... Mặt khác, chương trình GDMN của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Kế hoạch của Vụ Giáo dục MN, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, trường MN được xây dựng/bổ sung/sửa đổi hàng năm và mang tính định hướng nên độ linh động cao. Các trường MN hoàn toàn tự chủ khi chỉ đạo và thực

hiện hoạt động cho phù hợp với điều kiện. Nhờ đó, GV được trao quyền, linh hoạt, chủ động, sáng tạo trong quyết định mục tiêu, nội dung, hình thức... giáo dục VHĐP cho trẻ trong nhà trường. Mặc dù vậy, GV vẫn không cho rằng sự chỉ đạo của cấp trên là hoàn toàn thuận lợi vì qua nhiều cấp chỉ đạo, thỉnh thoảng vẫn có sự không thống nhất do một số cán bộ quản lí chưa nắm rõ tinh thần của văn bản. Tình trạng “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”, rập khuôn, thiếu linh động thỉnh thoảng vẫn xảy ra.

Về điều kiện tài chính của nhà trường, nhóm/lớp, GV cũng xem đây là yếu tố thuận lợi. Hàng năm, nhà trường được cấp kinh phí phục vụ cho hoạt động giáo dục từ ngân sách Nhà nước dựa theo số lượng trẻ và số kinh phí này chỉ đủ sử dụng cho các hoạt động cơ bản nên cần thêm rất nhiều sự hỗ trợ. Liên quan đến vấn đề kinh phí, môi trường hoạt động mang đặc trưng văn hóa địa phương vẫn chưa được đầu tư đúng mức bởi trong tổng số nguồn ngân sách có được, chỉ có 15% kinh phí để nhà trường xây dựng cơ sở vật chất (các hạng mục nhỏ). Muốn có thêm kinh phí tổ chức hoạt động và xây dựng môi trường mang đặc trưng văn hóa địa phương, cần thiết phải có sự hỗ trợ từ xã hội hóa giáo dục. Được biết, với sự thay đổi trong nhận thức về tầm quan trọng của bậc học mầm non, phụ huynh nhiều nơi khá nhiệt tình và sẵn sàng hỗ trợ kinh phí và công sức để cùng nhà trường tổ chức hoạt động hàng ngày cũng như hoạt động giáo dục VHĐP cho trẻ. Chính quyền thì quyết định việc hỗ trợ thông qua Nghị quyết, Chương trình hành động của Đảng bộ, Hội đồng nhân dân các cấp (xã/ phường, huyện/ thành phố, tỉnh) dựa trên sự tham mưu của CBQL trường mầm non. Gần đây, các Hội thi, Lễ Hội liên quan đến văn hóa địa phương luôn có sự tham gia, chung tay của chính quyền cùng số đông phụ huynh trẻ. Ngoài ra, trường MN còn nhận được sự hỗ trợ của các tổ chức xã hội khác như Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện/thị xã/thành phố, Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế khi liên hệ, tổ chức hoạt động trải nghiệm thực tế... Khi được hỏi về khó khăn trong mối quan hệ giữa nhà trường với phụ huynh, chính quyền địa phương và tổ chức xã hội, GV cho biết hạn chế lớn nhất là các lực lượng này chưa chủ động, đôi khi phải thuyết phục mới nhận được sự hỗ trợ. Vốn dĩ các địa phương có điều kiện khác biệt nên sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, phụ huynh và các tổ chức xã hội cũng không giống nhau.

Về tài liệu, Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đã đưa ra định hướng để GV phát triển phù hợp với văn hóa, điều kiện địa phương. Văn bản chỉ đạo của các cấp, kinh nghiệm của các địa phương khác... giúp họ có thêm nguồn tham khảo nội dung, cách thực hiện. Tuy vậy, xét về phía chủ quan, một số GV vẫn thấy khó khi được cấp trên giao quyền tự chủ nhưng khả năng của họ có hạn, chưa linh động tìm nguồn tài liệu, chủ yếu dựa trên những gì có sẵn. Các tài liệu bồi dưỡng thường xuyên dành cho GV hàng năm chưa có nội dung thuần túy hướng đến giáo dục văn hóa địa phương cho trẻ mà chỉ mang tính chất lồng ghép, kết hợp. Tài liệu hướng dẫn giáo dục văn hoá địa phương là yếu tố không thuận lợi nhất so với các yếu tố khác.

Về khách quan, nguồn văn hóa địa phương phong phú như ở tỉnh Thừa Thiên Huế sẽ hỗ trợ rất nhiều cho GV nhưng trên thực tế GV không nghĩ đây là yếu tố thuận lợi nhất. GV cho biết, ở trường mầm non, tài liệu về văn hóa địa phương khá hiếm. Tính đặc trưng trong văn hóa mỗi địa phương và nội dung giáo dục đòi hỏi phải phù hợp với trẻ từng độ tuổi khiến việc tìm kiếm tài liệu trở nên khó khăn. VHDP tuy phong phú nhưng phải chọn lọc mới có thể đưa vào nhà trường để giáo dục trẻ. Không những thế, một số giáo viên mới ra trường, chưa có nhiều hiểu biết và kinh nghiệm, số giáo viên khác tuổi cao và cũng có nhiều giáo viên có trình độ chuyên môn chưa tốt nên hạn chế trong sưu tầm, sử dụng. Vì vậy, với họ, rất cần những tài liệu về văn hoá địa phương dành riêng cho cấp học mầm non. Thiết thực hơn, các tác phẩm VHDP nguyên bản hay cải biên nên sắp xếp theo các chủ đề giáo dục phổ biến trong trường mầm non để GV dễ dàng lựa chọn và sử dụng.

Sinh ra và lớn lên trong “cái nôi” văn hóa Thừa Thiên Huế, GV thấm nhuần những tri thức nhất định về VHDP. Một số người có năng lực thể hiện rất tốt cộng thêm tính linh hoạt, chủ động, sáng tạo trong quá trình thực hiện giúp khắc phục phần nào hạn chế của quá trình giáo dục VHDP cho trẻ. Sự hỗ trợ lẫn nhau giữa GV các trường cũng mang lại thuận lợi, nhất là khi các trường mầm non nằm trong cùng một địa bàn, có chung đặc điểm văn hóa hoặc có nét văn hóa tương đồng. Hình thức sinh hoạt chuyên môn liên trường (thao giảng, dự giờ), các Hội thi cấp huyện/thành phố, tỉnh liên quan đến VHDP... là cơ hội để GV các trường giao lưu, chia sẻ. Trong một số ít trường mầm non, Ban chỉ đạo Giáo dục VHDP đã được thành lập. Ban chỉ đạo giao Tổ trưởng Tổ chuyên môn có trách nhiệm theo dõi, hỗ trợ cho GV trong các hoạt động liên quan. Ngoài ra, theo quy định của Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các lớp mẫu giáo được khảo sát học 02 buổi/ngày nên có 02 giáo viên/lớp. Nhờ đó, giáo viên trong cùng một lớp có thể trao đổi với nhau dễ dàng hơn. Tuy nhiên, với nhiều GV, phụ thuộc vào nhiều yếu tố nên đôi khi chưa có sự hỗ trợ kịp thời và đúng mục cho đồng nghiệp.

Với quan điểm “lấy trẻ làm trung tâm”, trẻ là chủ thể tích cực, chủ động, sáng tạo trong mọi hoạt động nên khá thuận lợi cho hoạt động giáo dục VHDP. Đa phần trẻ thích thú tham gia hoạt động do giáo viên tổ chức, nhất là khi được dạy đọc các bài ca dao nói về các địa danh, thắng cảnh nổi tiếng gắn liền với mảnh đất Cố Đô như cầu Tràng Tiền, sông An Cựu, Cột cờ Phú Văn Lâu..., nghe cô hát các bài dân ca như lý ngựa ô, hò giã gạo..., hay xem các sản phẩm của nghề truyền thống của địa phương. Điều đó tạo động lực lớn cho GV tạo ra các hoạt động giáo dục VHDP hấp dẫn, đa dạng và hiệu quả hơn để khắc phục hạn chế về khả năng tiếp nhận do đặc điểm lứa tuổi của trẻ.

3.2. Mong muốn của giáo viên khi giáo dục văn hóa địa phương cho trẻ mầm non

Trên cơ sở nhìn nhận về quá trình giáo dục VHDP cũng như những yếu tố tác động tạo nên thuận lợi, khó khăn nhất định, khi được hỏi về mong muốn của mình, GV đưa ra đề xuất

về nhiều mặt:

Bảng 6. Những mong muốn của GV khi giáo dục VHDP cho trẻ MN

TT	Mong muốn	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Có sự thống nhất về quan điểm trong công tác chỉ đạo của các cấp quản lí	4,31	0,609
2	Thường xuyên được tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn về văn hóa địa phương và giáo dục văn hóa địa phương trong trường mầm non	4,34	0,586
3	Nhận được nhiều sự hỗ trợ từ phụ huynh, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội	4,36	0,642
4	Có sự phối hợp chặt chẽ với các trường trong khu vực và sự hỗ trợ của các giáo viên khác	4,25	0,628
5	Được tham gia nhiều hội thi liên quan đến việc thể hiện, cải biên văn hoá địa phương	4,10	0,723
6	Có thêm tài liệu về văn hoá địa phương và hướng dẫn giáo dục văn hóa địa phương trong trường mầm non	4,37	0,605
7	Nhận được sự khuyến khích linh hoạt, sáng tạo trong giáo dục văn hóa địa phương cho trẻ của cấp trên	4,29	0,665
8	Trẻ tích cực, chủ động, sáng tạo và có hứng thú với văn hóa địa phương	4,30	0,632
9	Môi trường giáo dục mang bản sắc văn hoá địa phương	4,27	0,641
10	Có điều kiện về tài chính	4,31	0,609

Ghi chú: $1 \leq \text{Điểm TB} \leq 5$

Mong muốn lớn nhất của GV là có thêm tài liệu về văn hoá địa phương và hướng dẫn giáo dục văn hóa địa phương trong trường mầm non. Điều này hết sức hợp lí bởi đây là khía cạnh liên quan tới khó khăn lớn nhất mà GV đang gặp phải. Đặc biệt, GV rất cần bổ sung những tài liệu về văn học dân gian, âm nhạc dân gian và mỹ thuật dân gian. Ngoài ra, cần có văn bản hướng dẫn cụ thể, rõ ràng từng bước giáo dục VHDP cho trẻ để GV dễ thực hiện.

GV rất mong muốn nhận được nhiều sự hỗ trợ từ phụ huynh, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội. Xã hội hóa giáo dục nói chung và giáo dục VHĐP cho trẻ nói riêng không thể thiếu sự tham gia của các nhân tố này. GV cho rằng phụ huynh có thể tham gia ở bất cứ giai đoạn nào của quá trình giáo dục, từ việc lựa chọn đề tài, ý tưởng đến cùng GV và trẻ xây dựng kế hoạch, chuẩn bị, thực hiện (với tư cách là nghệ nhân, nghệ sĩ), tổng kết hoạt động/chủ đề chú không chỉ với vai trò hỗ trợ kinh phí và tham dự các hội thi, hội diễn. Nếu trẻ được hun đúc tình yêu VHĐP trong chính nền tảng gia đình, những gì trẻ hình thành được ở trường MN sẽ bền vững và có môi trường để phát triển hơn nữa. Về phía chính quyền địa phương, GV mong sự hỗ trợ đó đến từ các văn bản chỉ đạo sát thực, từ tỉnh đến huyện/thành phố, xã/phường, nguồn ngân sách cấp cho nhà trường và sự thâm nhập thực tiễn của cán bộ chính quyền để thấu hiểu những khó khăn mà GV và nhà trường gặp phải để cùng tháo gỡ. Cũng cần có sự tham gia nhiều hơn của các tổ chức xã hội, trong đó có các câu lạc bộ hát dân ca, làng nghề truyền thống, lực lượng tình nguyện hỗ trợ xây dựng môi trường và tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho trẻ tại địa phương.

Những mong muốn khác của GV là: thường xuyên được tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn về văn hóa địa phương và giáo dục văn hóa địa phương trong trường mầm non; có sự thống nhất về quan điểm trong công tác chỉ đạo của các cấp quản lý; có điều kiện về tài chính; trẻ tích cực, chủ động, sáng tạo và có hứng thú với văn hóa địa phương; Nhận được sự khuyến khích linh hoạt, sáng tạo trong giáo dục văn hóa địa phương cho trẻ của cấp trên; môi trường giáo dục mang bản sắc văn hoá địa phương; có sự phối hợp chặt chẽ với các trường trong khu vực và sự hỗ trợ của các giáo viên khác cũng rất thiết thực. Ở mức độ đánh giá thấp hơn cả là mong muốn được tham gia nhiều hội thi liên quan đến việc thể hiện, cải biên văn hoá địa phương vì điều kiện thời gian và kinh phí không cho phép, một số GV cũng bị hạn chế về khả năng để thực hiện hoạt động này.

4. Kết luận

Khảo sát trên khách thể là 256 giáo viên (GV) ở các trường mầm non trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đã làm rộng góc nhìn về thực trạng giáo dục văn học, âm nhạc, mỹ thuật dân gian Thừa Thiên Huế cho trẻ mầm non. Kết quả điều tra GV về mức độ cần thiết của giáo dục VHĐP cho trẻ MN, về mục tiêu, nguyên tắc và nội dung, hình thức giáo dục VHĐP cho trẻ MN; về hiệu quả giáo dục VHĐP cùng với nhu cầu giáo dục VHĐP cho trẻ khẳng định sự cần thiết phải đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục văn hóa địa phương cho trẻ mầm non trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình khảo sát thực trạng cũng cho thấy rằng, giáo dục VHĐP cho trẻ MN không phải là trách nhiệm riêng của trường MN. Nội dung này cần thiết phải được xã hội hóa. Các trường MN trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế rất cần sự hỗ trợ từ phụ huynh, chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội. Môi trường giáo dục VHĐP không ngừng mở rộng trong tính kết nối giữa không gian trường học – gia đình – xã hội. Cách lan tỏa

nội dung giáo dục này vừa góp phần đảm bảo tính liên tục, tính phát triển của văn hóa truyền thống địa phương, vừa hun đúc tình cảm đối với quê hương và ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá địa phương trong mỗi cá thể trẻ. Chúng ta có quyền hi vọng về những thế hệ chủ nhân tương lai có đầy đủ phẩm chất của công dân thời đại công nghệ số nhưng vẫn gắn bó, yêu thương nguồn cội. Việc hiểu về di sản tinh thần do thế hệ cha ông từng sống trên mảnh đất mình đang sống tạo ra cũng sẽ giúp trẻ hiểu rõ hơn về “khoảnh khắc hiện tại” và vị trí của chúng trong đó. Từ những hiểu biết, cảm nhận ban đầu về văn học, âm nhạc, mỹ thuật dân gian Thừa Thiên Huế, trẻ MN sẽ có những động thái sáng tạo văn hóa nghệ thuật dân gian cụ thể. Có thể sự sáng tạo ấy hãy còn đơn giản và hồn nhiên, nhưng đó là sự khởi đầu ý nghĩa của một hành trình nhân văn – hành trình lưu giữ và phục dựng văn hóa địa phương. Về lâu về dài, điều này cũng sẽ thúc đẩy sự phát triển cá nhân, thúc đẩy mỗi một đứa trẻ trở thành những người có bản sắc riêng về phong cách ứng xử, giao tiếp, sáng tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Thông tư số 01/2021/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 ban hành Chương trình Giáo dục mầm non*.
2. Đinh Xuân Dũng (2019), *Gìn giữ, phát huy và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*, <https://tuyengiao.vn/van-hoa-xa-hoi/van-hoa/gin-giu-phan-huy-va-phan-trien-ban-sac-van-hoa-dan-toc-trong-qua-trinh-toan-cau-hoa-va-hoi-nhap-quoc-te-125618>.
3. Hicela Ivon & Dubravka Kuscevic (2013), *School and the Cultural-Heritage Environment: Pedagogical, Creative and Artistic Aspects*, *Center for Educational Policy Studies Journal* 3(2): 29 – 50.
4. Jinling Tao & Jianjun Yin (2017), *A Study on Chinese Traditional Culture Education in China's Kindergartens*, *International Journal of Humanities Social Sciences and Education (IJHSSE)* Volume 4, Issue 3, March 2017: 59-66.
5. Bùi Thanh Truyền (Chủ biên) (2019), *Giáo dục văn hóa truyền thống cho học sinh trung học phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.